

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long trình bày báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2008.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000149 ngày 18 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 04/4/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 21/6/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18/10/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 09/7/2008;

Vốn Điều lệ của Công ty là: **100.000.000.000 VND** (Một trăm tỷ đồng Việt Nam)

Các cổ đông sáng lập của Công ty:

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số cổ phần |
|-----|--|--|------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông (Sacom) | Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | 1.500.000 |
| 2 | Đỗ Văn Trắc | Số 70 Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | 77.000 |
| 3 | Phạm Văn Lợi | Số 95 ngõ 343 Lạc Long Quân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội | 64.4000 |
| 4 | Đỗ Thu Hồng | Số 103A Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. | 65.7000 |
| 5 | Tăng Thị Thu Thủy | Phố Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội | 56.9000 |
| 6 | Phạm Thị Lợi | Ấp Ngãi Thắng, xã Bình An, Dĩ An, tỉnh Bình Dương | 49.400 |
| 7 | Phạm Vũ Thường | Số 15/2 Khu phố 4, An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 187.450 |

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HASTC) với mã TLC.

Khái quát chung về công ty con của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Công ty TNHH Cấp Thăng Long (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000210 ngày 15 tháng 09 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp

Vốn Điều lệ của Công ty là: **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng Việt Nam)

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long là 100%.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu dân dụng;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Thiết kế vô tuyến điện: đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;

Trụ sở Công ty : Thôn La Dương - Dương Nội - Hà Đông - Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 378 719 19

Fax : (84-4) 378 716 52

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 31/12/2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|----------|
| - Ông Đỗ Văn Trắc | Chủ tịch |
| - Bà Phạm Thị Lợi | Ủy viên |
| - Ông Phạm Vũ Thường | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Trung Kiên | Ủy viên |
| - Ông Bùi Đình Khoan | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Bá Đức | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Trần Tùng Lâm | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/6/2008) |
| - Ông Phạm Vũ Thường | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 16/6/2008; bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 16/6/2008) |
| - Ông Nguyễn Xuân Trường | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/10/2008) |
| - Ông Đỗ Việt Hùng | Phụ trách kế toán (Nhận bàn giao ngày 30/9/2008) |

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ngày 01/3/2009, ông Ngô Duy Du được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng theo quyết định số 01-9/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 3 năm 2009 của Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Tùng Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008
của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 được lập ngày 21/5/2009 của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long cho năm tài chính 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (Hanoi CPA) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với ý kiến chấp nhận toàn phần. Tuy nhiên có sự chênh lệch một số chỉ tiêu giữa Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Do chưa được cung cấp đầy đủ số liệu của các kỳ kế toán trước nên chúng tôi không thể thực hiện các điều chỉnh cần thiết số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008.
- Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/HĐHTKD ngày 19/12/2006 giữa Công ty con - Công ty TNHH Cấp Thăng Long và Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú về việc hợp tác kinh doanh thành lập phân xưởng Ống nhựa, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú góp vốn hợp tác kinh doanh dưới hình thức góp vốn bằng Tài sản cố định. Công ty TNHH Cấp Thăng Long đã ghi nhận khoản vốn góp này bằng cách ghi tăng Tài

sản cố định. Công ty TNHH Cáp Thăng Long đã ghi nhận khoản vốn góp này bằng cách ghi tăng Tài sản cố định với giá trị (4.467.062.290 VND) là không phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 08 “Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh.

- Như đã trình bày tại mục IV.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị 13.596.534.966 VND. Tuy nhiên, với tài liệu do Công ty cung cấp liên quan đến đơn giá thị trường của hàng tồn kho cần trích lập chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về sự hợp lý của khoản mục này được thể hiện trên Báo cáo tài chính năm 2008.
- Trong năm tài chính 2008, Công ty đã hạch toán vào giá vốn lô nguyên vật liệu với giá trị 14.856.566.140 VND không có doanh thu tương ứng là không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Theo đó, sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2008.
- Công ty thực hiện phân bổ toàn bộ chi phí đã phát sinh của các kỳ kế toán trước với giá trị (3.249.635.520 VND) được theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” vào chi phí trong kỳ là chưa phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, ảnh hưởng tương ứng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2008.
- Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về một số khoản công nợ Phải thu khác (2.905.580.679 VND), Phải trả người bán (3.950.438.544 VND), Trả trước cho người bán (5.945.800.370 VND) của Công ty con - Công ty TNHH Cáp Thăng Long tại thời điểm ngày 31/12/2008.
- Như đã trình bày tại mục IV.3 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty con – Công ty TNHH Cáp Thăng Long thực hiện ghi nhận nguyên giá và tính khấu hao một số tài sản cố định được bàn giao từ công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm với giá trị là 85.375.420.028 VND. Tuy nhiên do công tác tập hợp hồ sơ chứng từ quyết toán chưa hoàn thiện nên một số khoản mục chi phí chưa được Công ty cung cấp đầy đủ. Theo đó có thể sẽ ảnh hưởng đến giá trị các khoản mục nêu trên được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2008.
- Như đã trình bày tại mục IV.3 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, với những tài liệu mà Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long cung cấp, chúng tôi không thể kiểm tra được tính trung thực và hợp lý của nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2008. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị các khoản mục này được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long cho năm tài chính 2008:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày 2008; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán hợp nhất được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV

202
ÔN
H NHIỆM
TOÁN
VIỆT
GIẤY

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2008 | 01/01/2008 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 67.826.454.180 | 262.887.556.386 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 508.275.559 | 7.005.456.357 |
| 1. Tiền | 111 | | 508.275.559 | 7.005.456.357 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 17.799.097.811 | 68.627.898.324 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | 8.738.133.355 | 38.277.721.231 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 6.010.163.291 | 21.370.567.909 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.2 | 3.050.801.165 | 8.979.609.184 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.3 | 45.609.266.385 | 178.838.980.187 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 59.205.801.351 | 178.838.980.187 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (13.596.534.966) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.909.814.425 | 8.415.221.518 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 110.421.959 | 1.111.844.302 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 620.715.797 | 5.577.616.326 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | | 1.330.639.951 | 1.165.930.321 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.848.036.718 | 559.830.569 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 135.929.214.451 | 87.996.910.185 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 134.823.806.453 | 84.579.045.215 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | V.4 | 122.127.138.054 | 40.829.167.185 |
| - Nguyên giá | 222 | | 149.531.058.712 | 65.491.357.617 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (27.403.920.658) | (24.662.190.432) |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | V.5 | 10.709.829.918 | 11.098.269.345 |
| - Nguyên giá | 228 | | 11.098.269.345 | 11.098.269.345 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (388.439.427) | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.6 | 1.986.838.481 | 32.651.608.685 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 10.000.000 | 10.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.7 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.095.407.998 | 3.407.864.970 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 1.095.407.998 | 3.407.864.970 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 203.755.668.631 | 350.884.466.571 |

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2008 | 01/01/2008 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 48.646.778.099 | 120.257.382.006 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 11.205.781.007 | 120.257.382.006 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.9 | 497.700.000 | 37.138.002.047 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 6.249.596.837 | 79.274.674.032 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 44.418.000 | 1.518.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.10 | 540.770.363 | 366.295.209 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 323.248.143 | 56.838.089 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.11 | 120.116.000 | 315.904.102 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 3.429.931.664 | 3.104.150.527 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 37.440.997.092 | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 23.039.326.290 | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.13 | 14.401.670.802 | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 155.108.890.532 | 230.627.084.565 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.14 | 154.546.281.768 | 229.628.607.303 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 100.000.000.000 | 119.003.126.290 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 91.000.000.000 | 91.000.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 6. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 11.718.534.049 | 11.718.534.049 |
| 7. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | 988.208.710 |
| 9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (48.172.252.281) | 6.918.738.254 |
| 10. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 562.608.764 | 998.477.262 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 562.608.764 | 998.477.262 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 203.755.668.631 | 350.884.466.571 |

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán



Đỗ Viết Hùng



Trần Tùng Lâm

Mẫu số B 02 - DN/HN

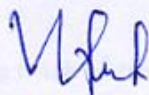
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Năm 2008 | Năm 2007 |
|--|-------|-------------|------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.15 | 134.202.840.448 | 177.771.459.260 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 134.202.840.448 | 177.771.459.260 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.16 | 170.889.265.143 | 162.355.586.289 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | (36.686.424.695) | 15.415.872.971 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.17 | 305.989.133 | 1.789.726.599 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.18 | 3.264.655.982 | 550.045.052 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.503.800.992 | 21.559.564 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 1.120.169.070 | 3.105.821.037 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 5.687.965.006 | 5.212.537.253 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [(30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))] | 30 | | (46.453.225.620) | 8.337.196.228 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 5.786.753 | 456.608.188 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 6.071.574.015 | 684.556.004 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (6.065.787.262) | (227.947.816) |
| 14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 45 | | | 268.559.521 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (52.519.012.882) | 8.377.807.933 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | 1.459.069.679 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | (52.519.012.882) | 6.918.738.254 |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số (*) | | | - | - |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | | | (52.519.012.882) | 6.918.738.254 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | (5.252) | 692 |

Phụ trách kế toán



Đỗ Viết Hùng

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

Tổng Giám đốc



Trần Tùng Lâm

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Năm 2008 | Năm 2007 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (52.519.012.882) | 8.377.807.933 |
| Điều chỉnh các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 3.130.169.653 | 8.205.348.297 |
| - Các khoản dự phòng | | | 13.596.534.966 | |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 04 | | (1.171.144) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (273.253.028) | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 2.503.800.992 | 3.514.876.432 |
| I. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | (33.562.931.443) | 20.098.032.662 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 34.284.146.412 | 54.345.328.783 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 121.126.774.412 | (114.721.623.997) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp) | 11 | | (47.383.948.421) | 50.446.129.337 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 4.085.579.844 | (2.446.831.191) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (2.503.800.992) | (3.514.876.432) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (163.581.600) | (2.625.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 21.000.000 | 22.365.384.078 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (514.036.459) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 75.389.203.443 | 23.946.544.930 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác | 21 | | (53.996.457.168) | (71.194.518.146) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 273.253.028 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (53.723.204.140) | (71.194.518.146) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được | 33 | | 5.618.625.042 | 106.208.531.535 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (27.803.316.287) | (92.236.785.723) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (5.979.660.000) | (5.006.977.164) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (28.164.351.245) | 8.964.768.648 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (6.498.351.942) | (38.283.204.568) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 7.005.456.357 | 45.539.688.805 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 1.171.144 | (251.027.880) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | V.1 | 508.275.559 | 7.005.456.357 |

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG

THĂNG LONG

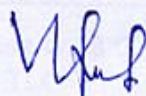
Tổng Giám đốc

VIÊN THÔNG

THĂNG LONG

Hà Nội

Phụ trách kế toán



Đỗ Viết Hùng



Trần Tùng Lâm

